



Case report:  
**LẠC NỘI MẠC TỬ CUNG**

BS NGUYỄN THỊ XUÂN HOA

PHÒNG KHÁM PHỤ KHOA



# BỆNH ÁN

## HÀNH CHÁNH:

Tên: Huỳnh Thị H.. Sinh năm: 1984 PARA: 1001

Địa chỉ: Thôn P. S., X. An Ninh Đông, H. Tuy An, T. Phú Yên

Đt: 0398695xxx

LÝ DO ĐẾN KHÁM: Đau bụng

TIỀN CĂN: Thống kinh + lạc nội mạc trong cơ tử cung, nang BT (P), Cắt polyp ctc – GPB lành (03/2021), Pap (viêm) – 06/2020 (bv Từ Dũ)

Ngừa thai: XTN, đã uống 1 vỉ ngừa thai, tụt ngưng # 1 tháng

Hành kinh 1 tuần, nhiều 3 ngày, có máu cục, kèm đau bụng kinh nhiều, thường xuyên dùng thuốc giảm đau



# BỆNH ÁN

➤ BỆNH SỬ (khám ngày 17/05/2021): KC 09/05

BN đau hạ vị liên tục từ ngày 09/05 đến nay (17/05), không sốt, tiểu bình thường, tiêu nhiều lần, phân vàng, không lỏng, đã uống thuốc giảm đau nhưng không hết → khám Phụ Khoa

➤ KHÁM

M: 92 lần/ phút, HA: 113/67mmHg, T° 37°C , CC 150cm, CN 49kg

Da xanh, niêm hồng nhạt, mệt mỏi, ấn đau hạ vị, không dấu đề kháng

Âm đạo: khí hư đục, CTC viêm tái tạo. TV: tử cung to # thai 10 tuần.

➤ CHẨN ĐOÁN SƠ BỘ: Thống kinh + cường kinh + thiếu máu + lạc nội mạc tử cung



# BỆNH ÁN

▸ CẬN LÂM SÀNG:

XN: CTM, CRP, BHCG, TPTNT, ROMA TEST, FERRITIN, IRON  
TVS, MRI BỤNG



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (028) 3834 9993 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (028) 3834 9993 (134) - Fax: (028) 3927 1234  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com/www.medic-lab.com.vn

PID: **641** S.T.T.: **3058**  
Ngày giờ đăng ký: **07:24:45** **17/05/2021**  
Ngày giờ lấy mẫu: **07:32:18** **17/05/2021**  
**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(BM.TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2016 - Phiên bản: 1.2)

Họ tên: **HUỖNH T** Năm sinh: **1984** Giới: **Nữ** ĐT: **03986**  
Địa chỉ: **TH** / AN, T. PHÙ YÊN Loại mẫu: **Máu/N.Tiểu**  
Đơn vị: **Medic** BS yêu cầu: **NGUYỄN.T.X.HOA (PK.PHỤ KHOA)**

**TÊN XÉT NGHIỆM KẾT QUẢ KHOẢNG THAM CHIẾU MÃ QT**  
**I. HUYẾT HỌC / ĐÔNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION**  
**NFS(C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU)<sup>1</sup>**

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
<b>WBC</b>	<b>5.47</b>	(4.0-10.0)10 <sup>9</sup> /L	QTHH019
% Neu	<b>51.2</b>	(40 - 74 %)	
% Lym	<b>32.7</b>	(19 - 48 %)	
% Mono	<b>9.7</b>	(3 - 9 %)	
% Eos	<b>6.0</b>	(0 - 7 %)	
% Baso	<b>0.4</b>	(0 - 1.5 %)	
# Neu	<b>2.79</b>	(1.7 - 7.0) 10 <sup>9</sup> /L	
# Lym	<b>1.78</b>	(1.0 - 4.0) 10 <sup>9</sup> /L	
# Mono	<b>0.53</b>	(0.1 - 1.0) 10 <sup>9</sup> /L	
# Eos	<b>0.33</b>	(0 - 0.5) 10 <sup>9</sup> /L	
# Baso	<b>0.02</b>	(0 - 0.2) 10 <sup>9</sup> /L	
<b>RBC</b>	<b>4.28</b>	(3.80 - 5.60)10 <sup>12</sup> /L	QTHH020
<b>Hb</b>	<b>9.3 L</b>	(12 - 18 g/dL)	QTHH025
<b>Hct</b>	<b>28.7 L</b>	(35 - 52 %)	
<b>MCV</b>	<b>67.0 L</b>	(80 - 97 fL)	
<b>MCH</b>	<b>21.7 L</b>	(26 - 32 pg)	
<b>MCHC</b>	<b>32.5</b>	(31 - 36 g/dL)	
<b>RDW</b>	<b>20.9 H</b>	(11.0 - 15.7%)	
<b>PLT</b>	<b>326</b>	(130 - 400)10 <sup>9</sup> /L	QTHH021
<b>MPV</b>	<b>7.0</b>	(6.30 - 12.0 fL)	

**II. VI SINH/NƯỚC TIỂU THƯỜNG QUI - MICROBIOLOGY/URINE ANALYSIS**

URINARY ANALYSIS: \* QTVS044

**1)Chemistry (Sinh Hóa) :**

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU
Glucose	NEG	(mmol/L)
Bilirubin	NEG	(µmol/L)
Ketone	NEG	(mmol/L)
Spe-Gravity	<b>1.016</b>	(1.005-1.030)
Blood	NEG	(NEGATIVE)

Lấy máu tại nhà: **0935 365 116**

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:  
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)  
- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2012  
2. Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm  
3. (\*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (\*\*) KQ báo động  
4. KQ chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

Số trang: 1/3

H: High - L: Low



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (028) 3834 9993 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (028) 3834 9993 (134) - Fax: (028) 3927 1234  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com/www.medic-lab.com.vn

PID: **641** S.T.T.: **3058**  
Ngày giờ đăng ký: **07:24:45** **17/05/2021**  
Ngày giờ lấy mẫu: **07:32:18** **17/05/2021**  
**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(BM.TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2016 - Phiên bản: 1.2)

Họ tên: **HUỖNH T** Năm sinh: **1984** Giới: **Nữ** ĐT: **03986**  
Địa chỉ: **TH** / H. TUY AN, T. PHÙ YÊN Loại mẫu: **Máu/N.Tiểu**  
Đơn vị: **Medic** BS yêu cầu: **NGUYỄN.T.X.HOA (PK.PHỤ KHOA)**

**TÊN XÉT NGHIỆM KẾT QUẢ KHOẢNG THAM CHIẾU MÃ QT**

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
pH	<b>5.5</b>	(4.6-8.0)	
Protein	NEG	(g/L)	
Urobilinogen	NEG	(µmol/L)	
Nitrite	NEG	(NEGATIVE)	
Leucocytes	<b>POS</b>	(NEGATIVE)	
Color	<b>Yellow</b>		
Clarity	<b>Clear</b>		
<b>2)Urine Sediment (Cặn Lắng):</b>	.	(particles/µL)	
Red Blood Cells	<b>3</b>	(0 - 15)	
Leucocytes	<b>16 H</b>	(0 - 15)	
Calcium oxalate monohydrate	<b>0</b>	(0 - 6)	
Calcium oxalate dihydrate	<b>0</b>	(0 - 6)	
Amor.Phosphate	<b>0</b>	(0 - 6)	
Uric acid	<b>0</b>	(0 - 6)	
Casts	<b>0</b>	(0 - 6)	
Epithelial Cells	<b>7</b>	(0 - 10)	
Bacteria	<b>15</b>	(0 - 130)	
<b>III. SINH HOÁ - BIOCHEMISTRY</b>			
Iron (Sắt/HT) <sup>2</sup>	<b>16.59 L</b>	(50 - 168 µg/dL)	QTS088
hs CRP	<b>5.06 H</b>	(≤ 3 mg/L)	QTS028
<b>IV. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</b>			
BetaHCG/Blood <sup>2</sup>	<b>&lt;0.200</b>	(< 5 mIU/mL)	QTM0129
<b>Ferritin<sup>1</sup></b>	<b>9.66</b>	(M:22-400; F:4.6-291 ng/ml)	QTM0010
* ROMA TEST :	*		QTM0181
HE 4 :	.		
Pre menopause	<b>43.40</b>	pmol/L	
Post menopause	.	pmol/L	
CA 125 (O.M Cancer) <sup>2</sup>	<b>557.1 H</b>	(≤ 35 U/ml)	
ROMA value:	<b>6.70% Low risk</b>	(Pre: Low < 7.4% ; High ≥ 7.4%) (Post:Low < 25.3%;High ≥ 25.3%)	

Lấy máu tại nhà:

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:  
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2012  
2. Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm  
3. (\*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (\*\*) KQ báo động

Số trang: 2/3



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
(Tên cũ: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA - MEDIC)  
234 Hòa Hảo, P.4, Q.10, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 028.39270284 - 028.39272136, Mail: hoahao254@medic.com.vn

Đăng ký khám trực tuyến :  
http://medichh.nthsoft.vn  
Hoặc app: Medic Hoa Hao



QRCode kết quả



Khoa : **SIÊU ÂM 3D - Nhũ - Phòng 3D \_ 1**  
Máy: **SAMSUNG WS80A**

### KẾT QUẢ SIÊU ÂM MÀU

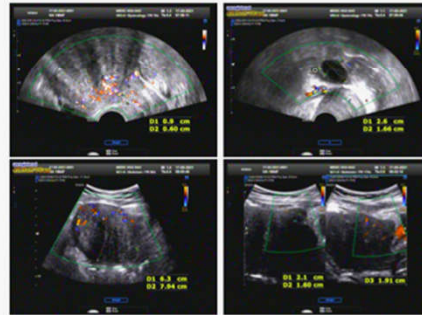


\*64100000

ID : **6416946** Ngày ĐK: 17/05/2021 07:54  
Họ và tên : **HUYN** 37 tuổi Nữ  
Địa chỉ : Th ng, H. Tuy An, T. Phú Yên -- 03  
Lâm sàng : ĐAU BỤNG  
BS chỉ định : BS. CKI. NGUYỄN THỊ XUÂN HOA BV chỉ định : MEDIC

#### VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM TVS MÀU

- CỘ TỬ CUNG : KÈNH CỔ CHÓI ECHO DÂY D= 9X6 MM, CÓ MẠCH MÁU NUÔI
- TỬ CUNG : gấp trước.  
dap = 76mm LS = 109mm Nội mạc = 5mm
- Mặt độ cơ tử cung thành trước không đồng nhất, không vỏ bao d # 79x63 mm, tăng sinh mạch. THÀNH TRƯỚC DƯỚI THANH MẠC TỬ CUNG CÓ NHAN ECHO KEM, D = 19 MM -> 21 MM, KHÔNG DẤU DOPPLER
- Buồng trứng Phải : d= 33x16 mm, không u.
- Buồng trứng Trái : d= 41x21 mm, CÓ NANG ECHO TRỐNG, KHÔNG CHÓI VÁCH, D= 26x16 MM, KHÔNG DẤU DOPPLER
- Túi cùng Douglas : có ít dịch.



**KẾT LUẬN :** LẠC NỘI MẠC TRONG CƠ TỬ CUNG + ĐA NHAN XO TỬ CUNG (NHỎ). POLYP KÈNH CỔ TỬ CUNG. NANG ĐƠN THỦY BƯỚNG TRỨNG TRÁI.

**Đề nghị :**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17/05/2021 08:08  
(Bác sĩ đã ký)

1





CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
(Tên cũ: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA - MEDIC)  
254 Hòa Hảo, P.4, Q.10, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 028.39270284 - 028.39272136, Mail: hoahao254@medic.com.vn

Đăng ký khám trực tuyến:  
<http://medichh.nthsoft.vn>  
Hoặc app: Medic Hoa Hao



QRCode kết quả



## MEDIC MRI REPORT



\*61

STT : 21051/ Ngày DK : 17/05/2021 09:15  
Bệnh nhân : HUYNH Tuổi : 37 Nữ  
Địa chỉ : T. Đường, H. Tuy An, T. Phú Yên - ĐT : 0398  
Bác sĩ chỉ định : BS. CKI. NGUYEN THỊ XUÂN HOA Khoa : PK  
Bệnh viện : MEDIC  
LÝ DO KHÁM : ĐAU BỤNG  
Máy : GE EXPLORER  
Vùng : MRI BỤNG Không tiêm tương phản  
Kết quả : KỸ THUẬT

Hình chụp vùng bụng chậu với máy cộng hưởng từ 1,5tesla không tiêm thuốc tương phản, các thông số kỹ thuật được in ở góc trái mỗi hình.

### MÔ TẢ

Thương tổn thành trước tử cung kích thước 5x7cm, tín hiệu không đồng nhất, có nhiều nang nhỏ bên trong (tín hiệu cao trên T1WI, T2WI).

Cấu trúc dạng nang buồng trứng phải, kích thước 1.5cm, tín hiệu thấp trên T2WI, tín hiệu cao trên T1WI.

Hai nhân xơ thành trước tử cung kích thước <2cm.

Bàng quang không thấy thương tổn.

Không hạch chậu và bên hai bên.

Không thấy tràn dịch ổ bụng và vùng chậu.

Không thấy thay đổi tín hiệu bất thường các xương vùng chậu.

### \*\*\* KẾT LUẬN:

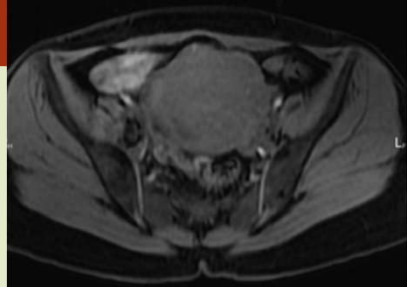
- Lạc nội mạc trong cơ tử cung kích thước 5x7cm và lạc nội mạc buồng trứng phải kích thước 1.5cm.

- Nhân xơ tử cung nhỏ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17/05/2021 11:30  
(Bác sĩ đã ký)

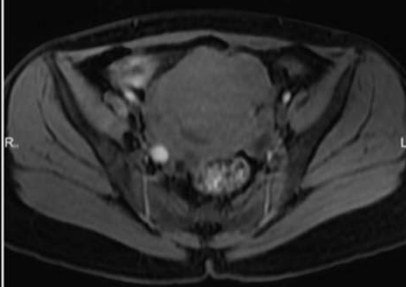


1.5T GEMRE A PK DK HOA HAO - MEDIC HA, HUYNH THI F 6416946  
WATER: Ax LAVA FS Pre Im: 35/56  
h: 32/56 F 6416946  
x: F2.5 (COI) Acc: 210517 47



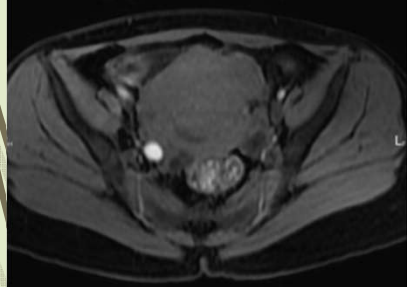
TR: 6.3  
TE: 3.1  
BodyArray\_23AB  
4.8thk/-2.4sp  
BodyArray\_23AB P 2021 May 17  
Acq Tm: 10:21:52

1.5T GEMRE A PK DK HOA HAO - MEDIC HA, HUYNH THI F 6416946  
WATER: Ax LAVA FS Pre Im: 35/56  
h: 32/56 F 6416946  
x: F9.7 (COI) Acc: 210517 47



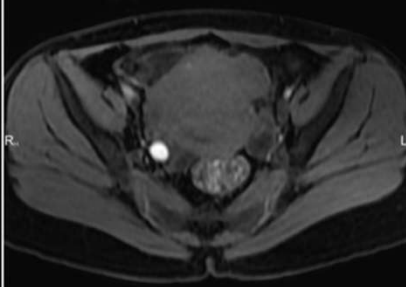
TR: 6.3  
TE: 3.1  
BodyArray\_23AB  
4.8thk/-2.4sp  
BodyArray\_23AB P 2021 May 17  
Acq Tm: 10:21:52

1.5T GEMRE A PK DK HOA HAO - MEDIC HA, HUYNH THI F 6416946  
WATER: Ax LAVA FS Pre Im: 37/56  
h: 38/56 F 6416946  
x: F12.1 (COI) Acc: 210517 47



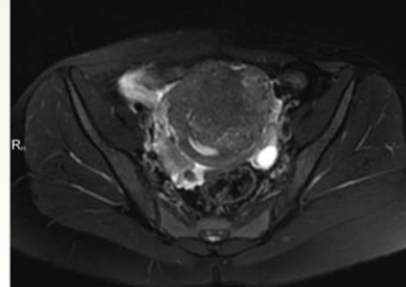
TR: 6.3  
TE: 3.1  
BodyArray\_23AB  
4.8thk/-2.4sp  
BodyArray\_23AB P 2021 May 17  
Acq Tm: 10:21:52

1.5T GEMRE A PK DK HOA HAO - MEDIC HA, HUYNH THI F 6416946  
WATER: Ax LAVA FS Pre Im: 37/56  
h: 38/56 F 6416946  
x: F14.5 (COI) Acc: 210517 47



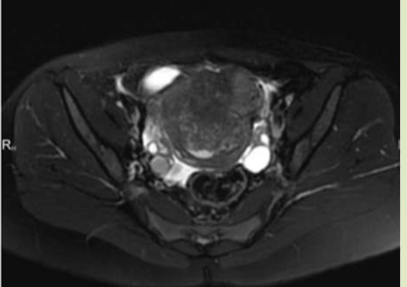
TR: 6.3  
TE: 3.1  
BodyArray\_23AB  
4.8thk/-2.4sp  
BodyArray\_23AB P 2021 May 17  
Acq Tm: 10:21:52

1.5T GEMRE A PK DK HOA HAO - MEDIC HA, HUYNH THI F 6416946  
AX T2 FS RTr PROPELLER Im: 13/20  
Ax: F7.2 (COI) Acc: 210517 47



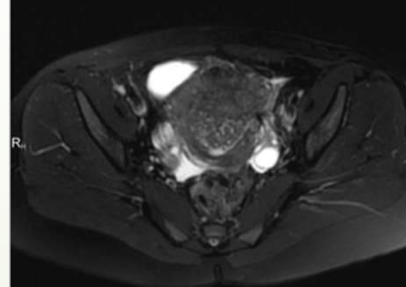
TR: 3754.0  
TE: 94.9  
BodyArray\_23AB  
5.0thk/1.5sp  
BodyArray\_23AB P 2021 May 17  
Acq Tm: 10:16:21

1.5T GEMRE A PK DK HOA HAO - MEDIC HA, HUYNH THI F 6416946  
AX T2 FS RTr PROPELLER Im: 14/20  
Ax: F13.7 (COI) Acc: 210517 47



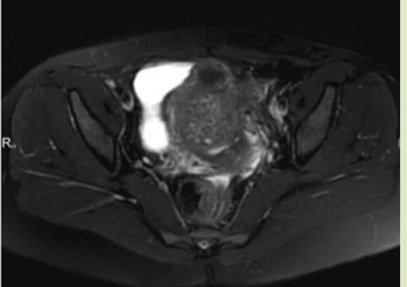
TR: 3754.0  
TE: 94.9  
BodyArray\_23AB  
5.0thk/1.5sp  
BodyArray\_23AB P 2021 May 17  
Acq Tm: 10:16:21

1.5T GEMRE A PK DK HOA HAO - MEDIC HA, HUYNH THI F 6416946  
AX T2 FS RTr PROPELLER Im: 15/20  
Ax: F20.2 (COI) Acc: 210517 47



TR: 3754.0  
TE: 94.9  
BodyArray\_23AB  
5.0thk/1.5sp  
BodyArray\_23AB P 2021 May 17  
Acq Tm: 10:16:21

1.5T GEMRE A PK DK HOA HAO - MEDIC HA, HUYNH THI F 6416946  
AX T2 FS RTr PROPELLER Im: 16/20  
Ax: F26.7 (COI) Acc: 210517 47



TR: 3754.0  
TE: 94.9  
BodyArray\_23AB  
5.0thk/1.5sp  
BodyArray\_23AB P 2021 May 17  
Acq Tm: 10:16:21





# BỆNH ÁN

- CHẨN ĐOÁN: Thống kinh + cường kinh + thiếu máu thiếu sắt trung bình / Lạc nội mạc tử cung + nang buồng trứng (P) + CA125 tăng
- ĐIỀU TRỊ:
  - Dienogest 2mg, 1 viên/ ngày
  - Bổ sung sắt
  - Giảm đau

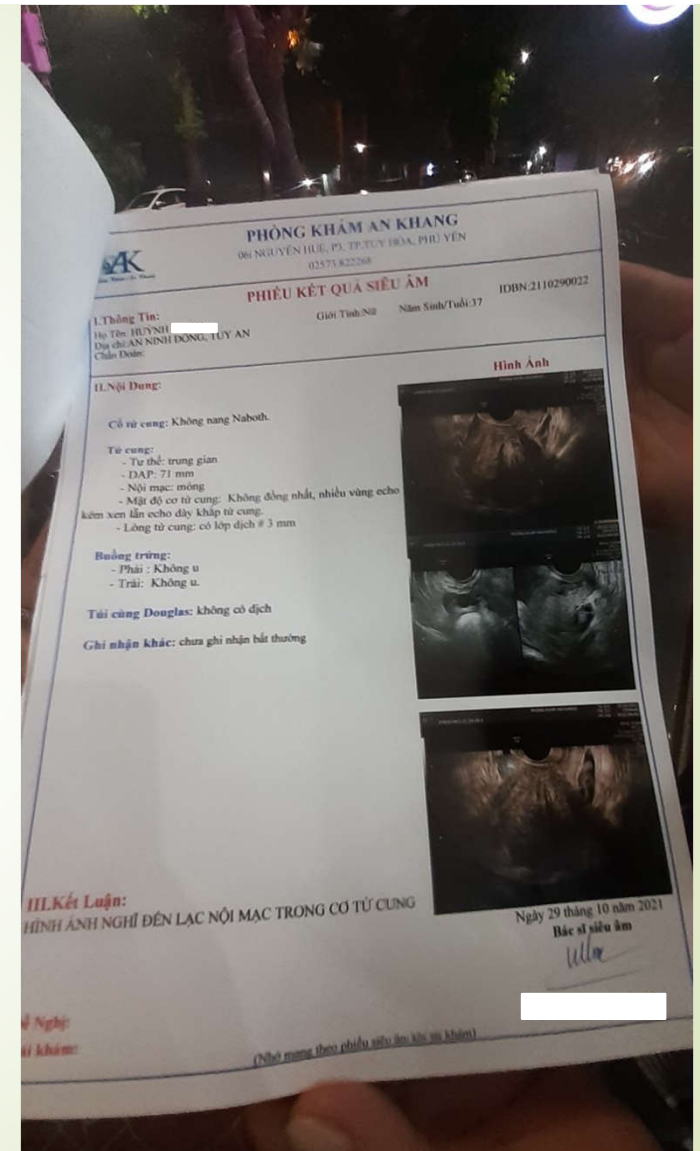
# BỆNH ÁN

## ➤ THEO DÕI:

Giảm triệu chứng thống kinh

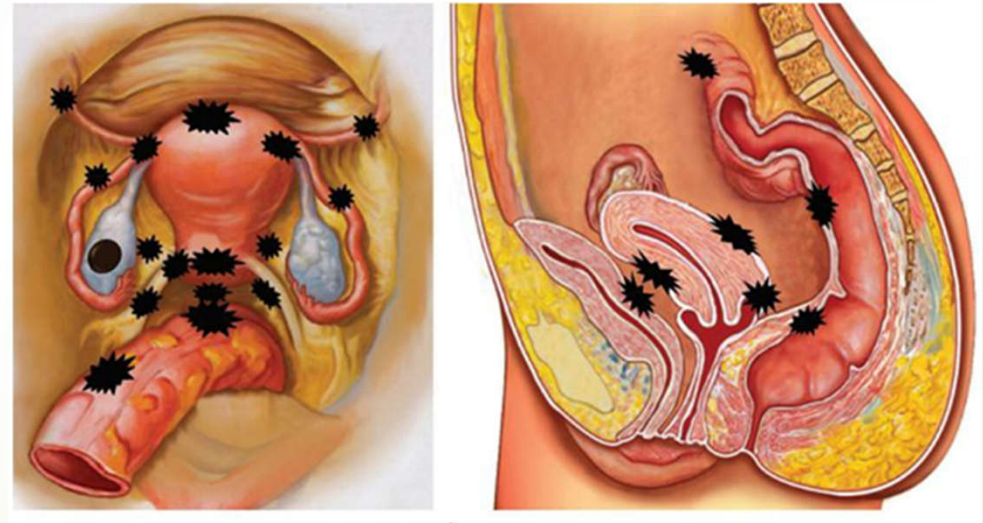
Còn rong huyết

Kích thước khối lạc nội mạc có giảm hơn



# BÀN LUẬN

- ▶ **LẠC NỘI MẠC TỬ CUNG (LNMTC):** Hiện diện của mô nội mạc có chức năng nằm ngoài tử cung, 6 – 10% phụ nữ ở độ tuổi sinh sản
  - ▶ Adenomyosis: Lạc nội mạc trong cơ tử cung
  - ▶ Endometriosis: Lạc nội mạc ngoài tử cung
- ▶ **TRIỆU CHỨNG LÂM SÀNG:**
  - ▶ Đau 40 – 82% (đau vùng chậu mạn tính, đau khi hành kinh, đau khi quan hệ tình dục)
  - ▶ Vô sinh (50%)
  - ▶ Xuất huyết tử cung bất thường (AUB)
- ▶ **PHƯƠNG TIỆN CHẨN ĐOÁN:**
  - ▶ Siêu âm: TVS, siêu âm bụng, TRUS
  - ▶ MRI: có giá trị cao
  - ▶ Nội soi chẩn đoán: tiêu chuẩn vàng

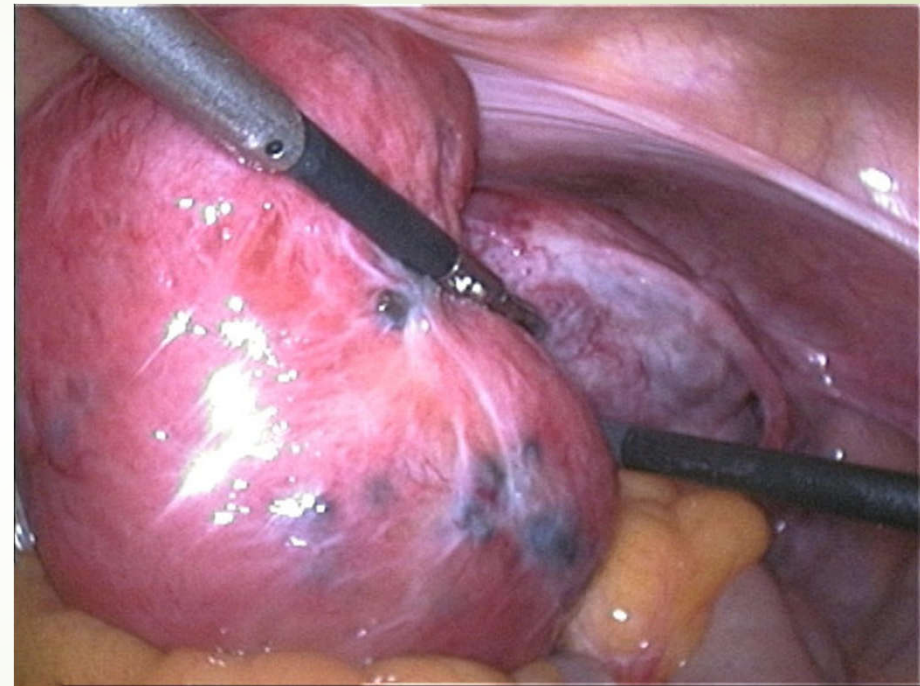


# BÀN LUẬN

## ➤ MỤC TIÊU ĐIỀU TRỊ:

- Giảm triệu chứng
- Duy trì hoặc cải thiện khả năng sinh sản
- Giảm tác dụng phụ

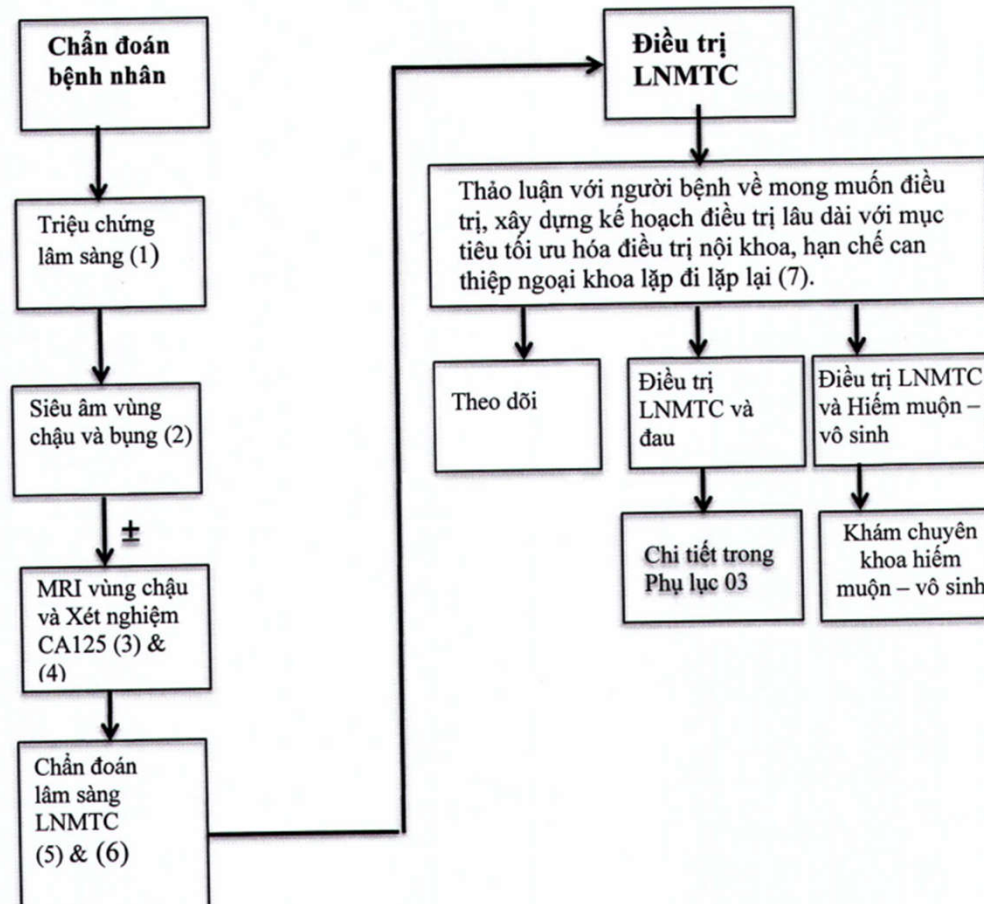
Phụ thuộc vào tuổi tác, tình trạng sinh sản và các triệu chứng lâm sàng, có thể cần phải điều trị suốt đời



PHỤ LỤC 01

QUY TRÌNH LÂM SÀNG  
CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ LẠC NỘI MẠC TỬ CUNG  
(Bản App và web: Quy trình lâm sàng)

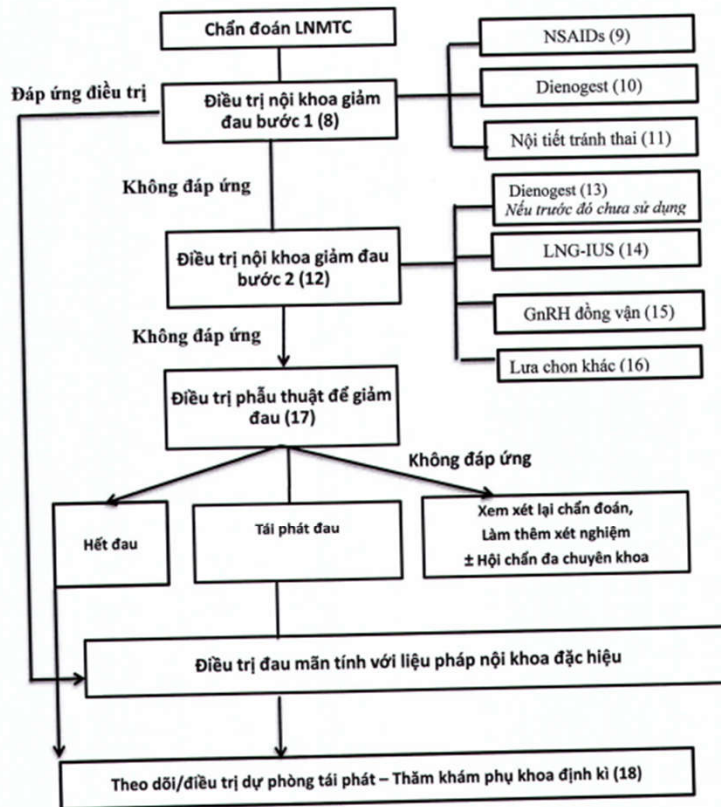
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5306/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2019)





**QUY TRÌNH LÂM SÀNG  
ĐIỀU TRỊ LẠC NỘI MẠC TỬ CUNG VÀ ĐAU**  
(Bản App và web: Quy trình lâm sàng)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5306/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2019)



### (9) NSAIDs:

Giảm đau nhóm kháng viêm non – steroides (NSAIDs) có hiệu quả trong điều trị thống kinh nguyên phát, nằm trong nhóm thuốc có thể chọn lựa đầu tiên điều trị đau do LNMTC. Thuốc có chống chỉ định cho người có tiền sử loét dạ dày tá tràng, bệnh lý tim mạch....

### (11) Nội tiết tránh thai

- Thuốc viên tránh thai kết hợp uống liên tục; hoặc miếng dán estrogen/ progestin có hiệu quả giảm thống kinh, giảm giao hợp đau, giảm đau vùng chậu mạn tính và ngừa thai.
- Có thể xem xét kê toa thuốc ngừa thai nội tiết kết hợp theo chu kỳ hoặc liên tục, không dùng quá 3 tháng nếu không giảm đau. Nếu sử dụng nội tiết tránh thai không giảm đau được cho bệnh nhân, chuyển đổi liệu pháp sử dụng Dienogest có thể được xem xét.
  - + Nội tiết tránh thai có hiệu quả giảm đau bụng kinh, giao hợp đau do LNMTC
  - + Nội tiết tránh thai ít hiệu quả giảm đau trong LNMTC lạc chỗ (phức mạc, LNMTC sâu).

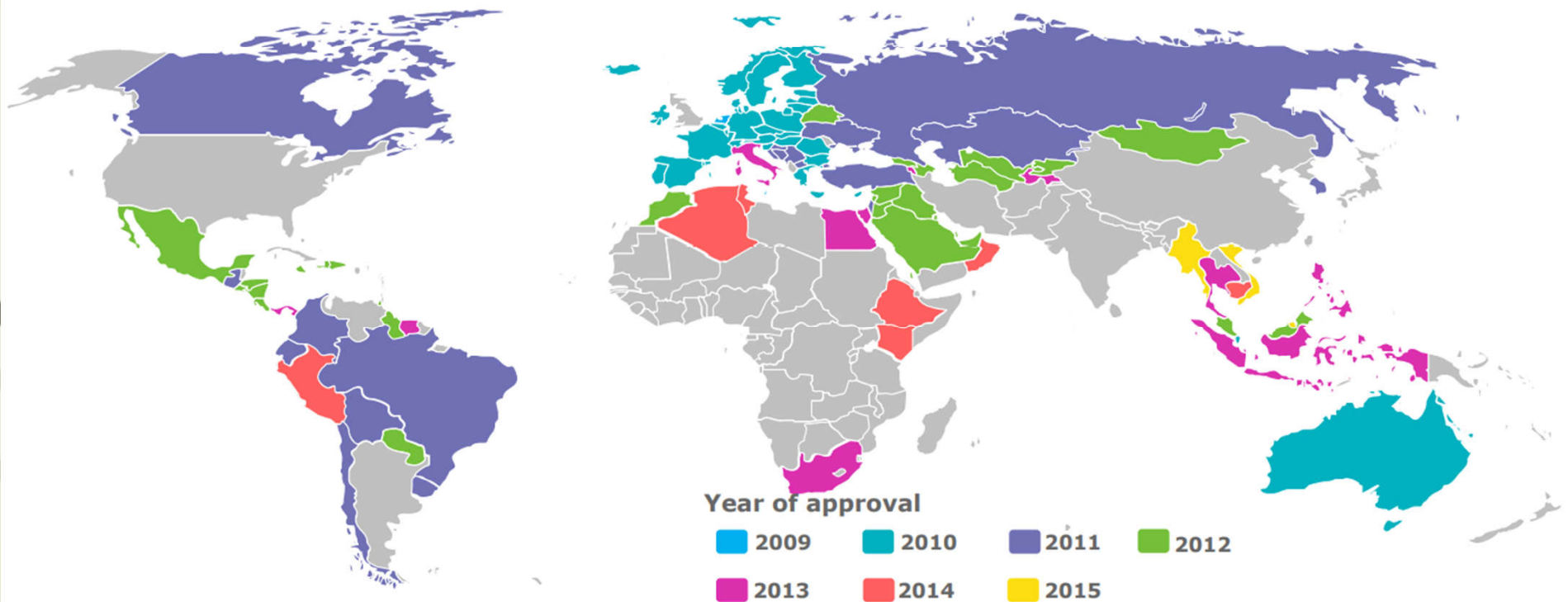
### (13) Dienogest

- Dienogest là progestins được chứng minh hiệu quả giảm đau trong LNMTC và được đánh giá là điều trị đặc hiệu giảm đau trong LNMTC bao gồm đau vùng chậu, giao hợp đau.
- Dienogest với liều 2mg/ngày hiệu quả giảm đau tương đương thuốc đồng vận GnRH nhưng ít tác dụng phụ gây bốc hỏa và không ảnh hưởng đến mật độ khoáng xương khi sử dụng lâu dài.
- Dienogest có thể được sử dụng lâu dài (liên tục hoặc ngắt quãng) để đạt hiệu quả giảm đau và giảm tái phát lâu dài cho bệnh nhân.
- Dienogest có thể được sử dụng để giảm đau trên lứa tuổi vị thành niên bị LNMTC.

## Dienogest được phê duyệt trên 100 quốc gia



354,660 phụ nữ-năm kể từ khi đưa vào thị trường (2010) đến tháng 12/2015  
The International Birth-Date of Dienogest is 10th December, 2009 (Malta)



*TS. BS. Bùi Chí Thương, Quản lý đau trên bệnh nhân Adenomyosis. Xử trí tác dụng ngoại ý do Dienogest, Hội nghị sản phụ khoa Việt – Pháp – Châu Á Thái Bình Dương lần thứ 19*

# DIENOGEST

- ▶ Là một progestin thế hệ mới, kết hợp cả hoạt tính của dẫn xuất 19-norprogestogens và 17 $\alpha$ -hydroxyprogesterone.
- ▶ Hiệu quả sinh học đánh vào cơ chế gây nên lạc nội mạc tử cung: giảm nồng độ estrogen trong máu và tại chỗ, giảm sự biểu hiện của các prostaglandins, interleukin/chemokine của phản ứng viêm, giảm tăng sinh của tế bào giống nội mạc tử cung, giảm yếu tố phát triển sợi thần kinh – một trong những cơ chế gây đau được biết đến gần đây.

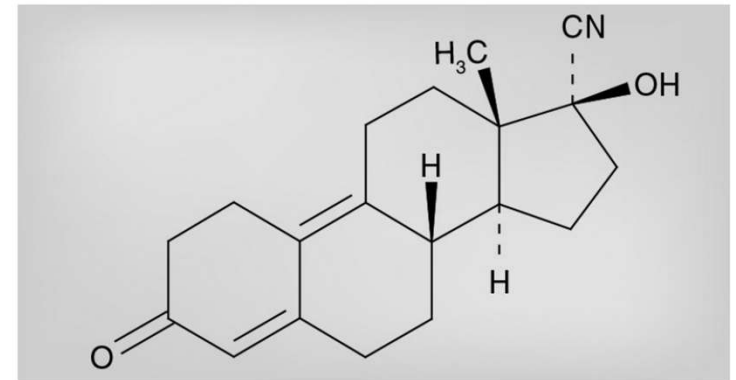
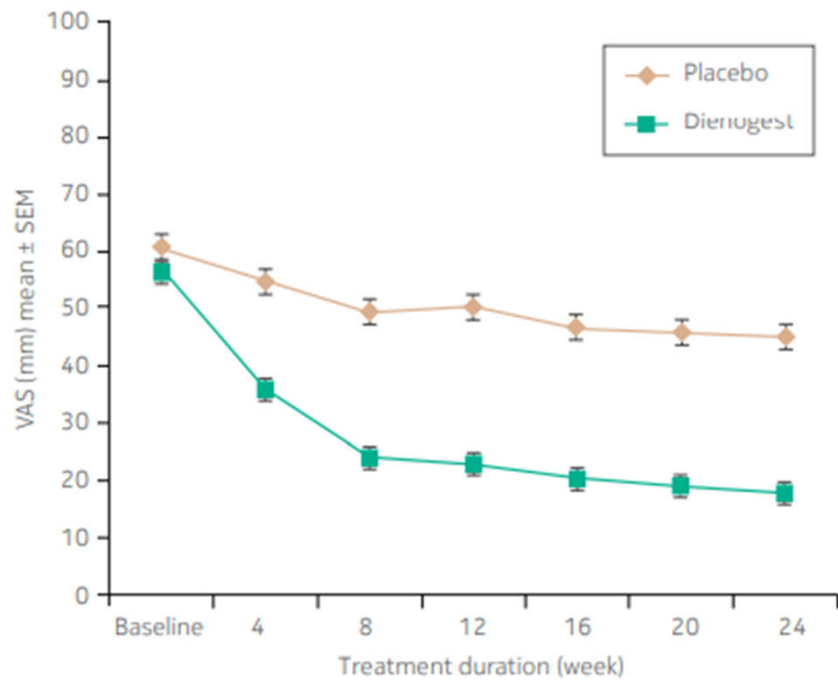


Figure 1. Dienogest.

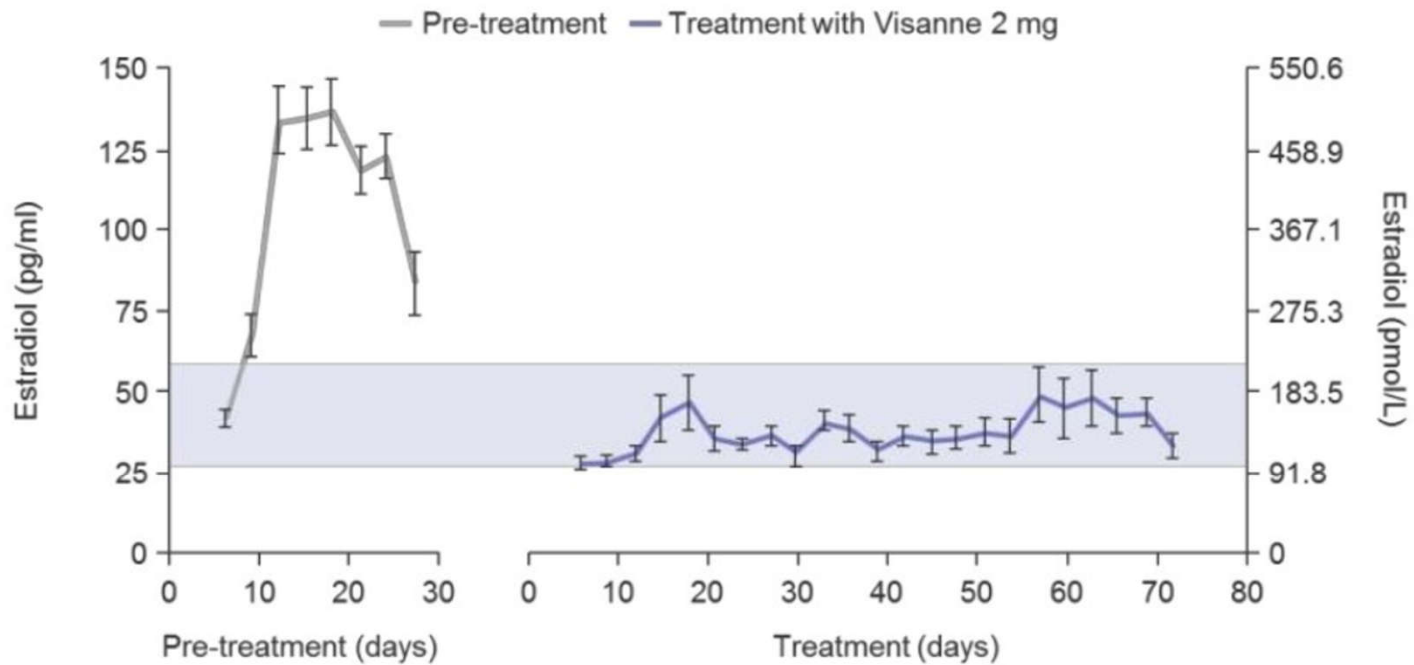


Hình 2. Hiệu quả giảm đau của DNG so với giả dược dựa trên thang điểm đau VAS<sup>[20]</sup>.

- Nghiên cứu đa trung tâm ở Trung Quốc từ 03/2013 – 04/2015, 225 phụ nữ 18 – 25 tuổi, theo dõi sau 24 tuần điều trị
- 126 phụ nữ dùng Dienogest 2mg/ngày
- 129 phụ nữ dùng giả dược



## Estradiol levels during Dienogest treatment remain within suggested therapeutic window

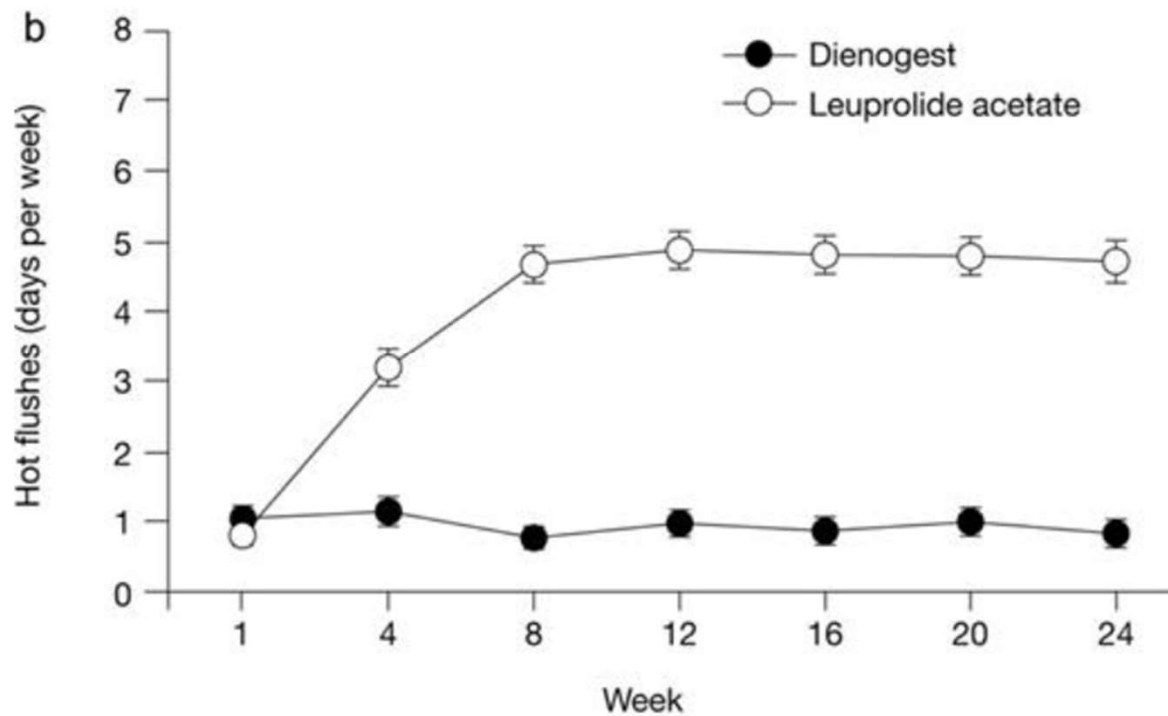


Klippling C et al. *J Clin Pharmacol* 2012; 52: 1704–1713.

Barbieri RL. *J Reprod Med* 1998; 43: 287–292.

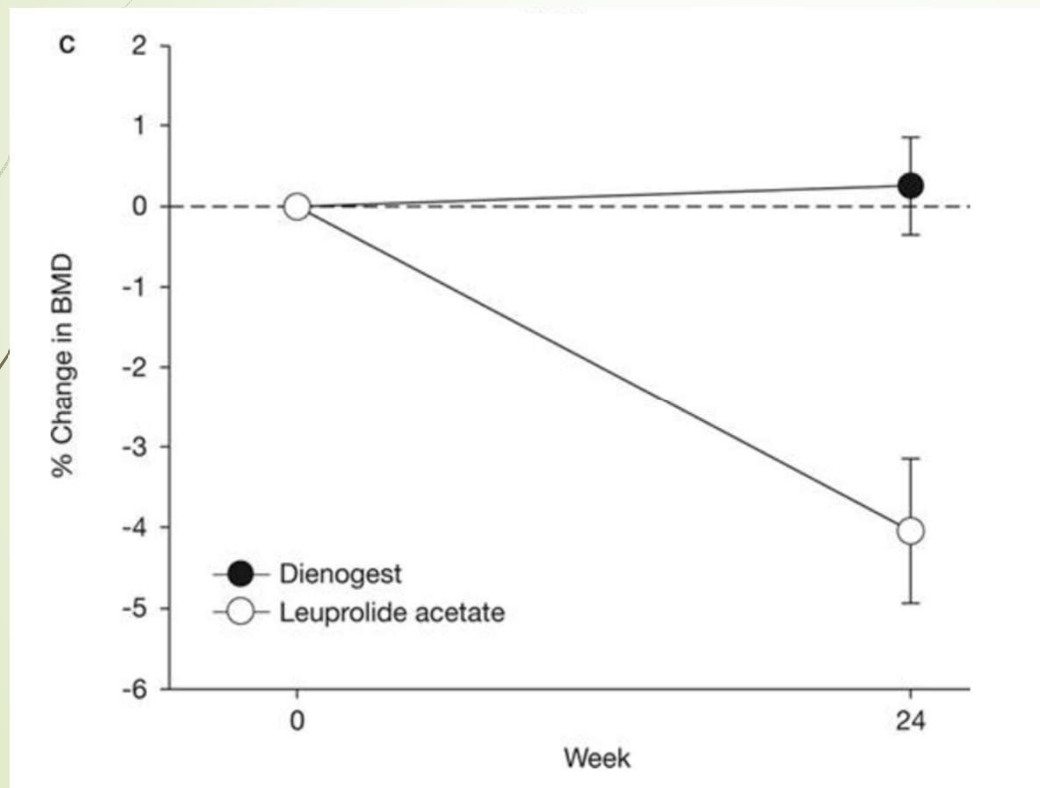


Tác dụng phụ do giảm nồng độ estradiol: không tăng tỉ lệ bốc hỏa khi điều trị bằng Dienogest trong 24 tuần



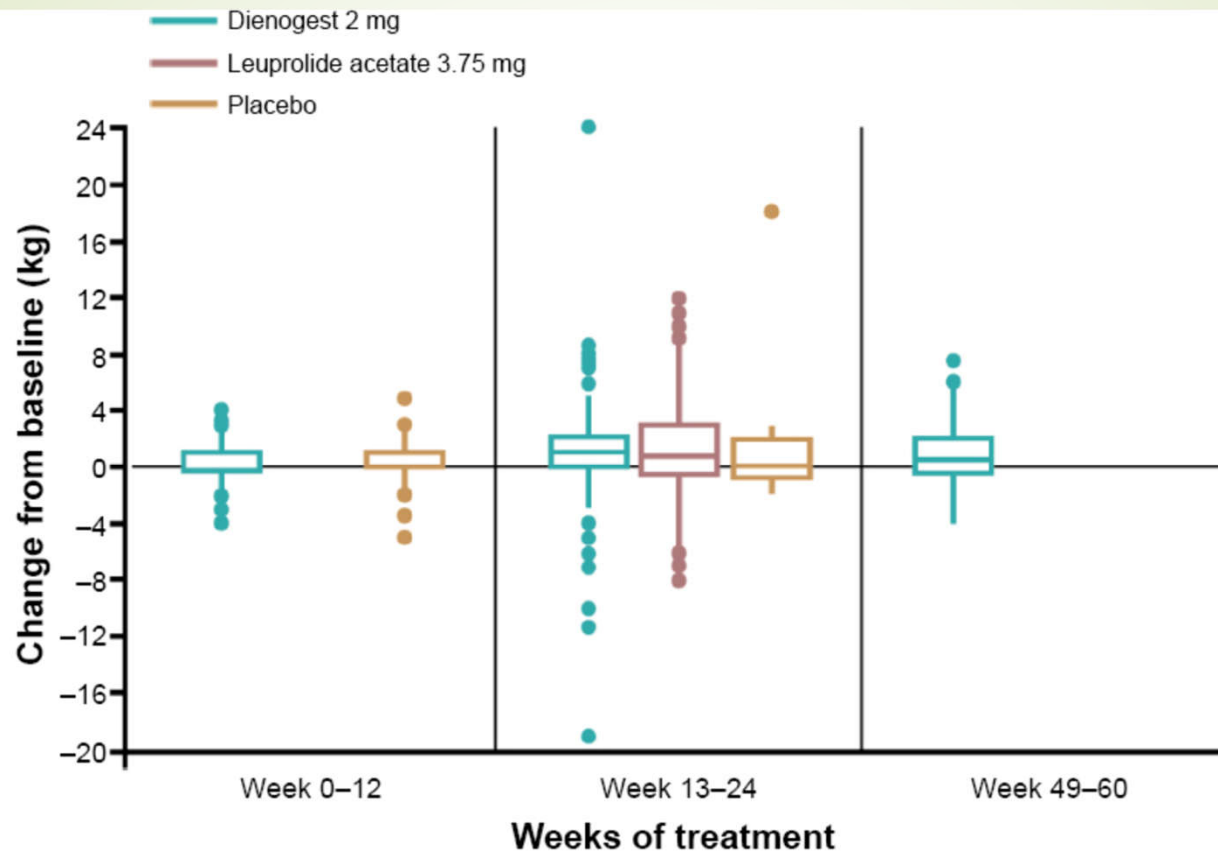
*Strowitzki T et al. Hum Reprod  
2010;25:633–641.*

Tác dụng phụ do giảm nồng độ estradiol: không giảm mật độ xương trong suốt 24 tuần điều trị bằng Dienogest



Stowitzki T et al. Hum Reprod  
2010;25:633-641.

# Dienogest không gây thay đổi cân nặng



**Figure 1** Change in body weight in pooled dienogest 2 mg group, versus placebo<sup>11</sup> and leuprolide acetate<sup>12</sup> groups. Note the differences in treatment duration between the groups.

*Strowitzki T và cs, 514 phụ nữ, 332 người dùng Dienogest 2mg/ngày, kéo dài 65 tuần, còn lại dùng LA hoặc giả dược*



# Dienogest

- ▶ Khả năng ức chế rụng trứng khi dùng Dienogest liều 2mg/ngày. Tuy nhiên Dienogest không phải là một loại thuốc ngừa thai, vì vậy để tránh thai hiệu quả thì BN cần sử dụng thêm biện pháp tránh thai không dùng nội tiết. Khả năng rụng trứng sẽ khôi phục lại sau khi ngưng thuốc trung bình 30 ngày (1 – 43 ngày).
- ▶ Không sử dụng Dienogest trong các trường hợp xuất huyết âm đạo bất thường chưa được chẩn đoán, phụ nữ có thai, cho con bú, bệnh nhân có tiền sử huyết khối, bệnh gan nặng, u gan, các khối u ác tính phụ thuộc hormone sinh dục.
- ▶ Có thể bắt đầu dùng thuốc vào bất kỳ ngày nào trong chu kỳ kinh, uống mỗi ngày 1 viên (2mg), không ngừng, khi quên thuốc có thể uống ngay khi nhớ ra và viên kế tiếp vẫn tiếp tục sử dụng như liều hàng ngày.



## TÁC DỤNG PHỤ

Triệu chứng (n = 727)	Tỉ lệ
Đau đầu	9%
Nổi mụn	5,1%
Nôn ói	4,2%
Tăng cân	3,6%
Đau vú	3,3%
Trầm cảm	3,0%
Đầy hơi	3,0%



## CÁC TÁC DỤNG PHỤ

TRIỆU CHỨNG	TỈ LỆ
Xuất huyết âm đạo bất thường	71,9%
Đau đầu	18,5%
Táo bón	10,4%
Buồn nôn	9,6%
Bốc hỏa	8,9%

*Nghiên cứu của Momoeda và cs 2009, 135 phụ nữ 21 – 47 tuổi, sử dụng Dienogest 2mg/ngày trong 52 tuần*

**→ Việc sử dụng Dienogest kéo dài không gây quá nhiều tác dụng phụ nghiêm trọng → cân nhắc sử dụng như một lựa chọn điều trị lâu dài lạc nội mạc tử cung**

## Kiểu ra máu khi sử dụng Dienogest

Kiểu xuất huyết âm đạo (DNG 2mg, 9 – 12 tháng)	Tỉ lệ (n = 727)
Vô kinh	28,2%
Không thường xuyên	24,2%
Thường xuyên	2,7%
Bất thường	21,5%
Kéo dài	4%
Khác	20,4%

→ Hầu hết bn chấp nhận tình trạng ra máu và tuân thủ điều trị, chỉ có < 1% phải ngưng điều trị



# KẾT LUẬN

- ▶ LNMTC là một bệnh lý lành tính, mạn tính, có ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng cuộc sống và sức khỏe sinh sản của phụ nữ.
- ▶ Việc điều trị tùy thuộc vào từng cá nhân cụ thể, độ tuổi, nhu cầu mang thai, triệu chứng lâm sàng, có thể cần phải điều trị suốt đời.
- ▶ Điều trị nội khoa luôn ưu tiên những loại thuốc có tác dụng hiệu quả trên mô lạc nội mạc, ít tác dụng phụ khi sử dụng kéo dài.
- ▶ Dienogest là một progestin thế hệ mới đã được nghiên cứu lâu dài cho tác dụng giảm đau hiệu quả, tuy có gây giảm nồng độ estradiol nhưng không tăng tỉ lệ bốc hỏa do vẫn duy trì được nồng độ estradiol ở mức vừa đủ thấp để không gây tác động xấu đến mô lạc nội mạc nhưng vừa đủ duy trì để không tăng tỉ lệ bốc hỏa hay gây giảm mật độ xương. Tác dụng bất lợi nhất của Dienogest là xuất huyết tử cung không theo chu kỳ nhưng không gây nguy hiểm và đa số bệnh nhân chấp nhận được (tỉ lệ ngưng điều trị là <1%).



# TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị lạc nội mạc tử cung, Quyết định số 5306/QĐ-BYT ngày 07/11/2019
- Thực tiễn lâm sàng: Quản lý điều trị Lạc nội mạc tử cung, Webinar HOSREM – BV Mỹ Đức ngày 11/10/2020
- Hiệu quả của Dienogest trong điều trị đau do lạc nội mạc tử cung, Lê Khắc Tiến, Giang Huỳnh Như, BV Mỹ Đức, Y Học Sinh Sản, Tập 47
- Dienogest for endometriosis - Australian Prescriber (nps.org.au)
- Dienogest in long-term treatment of endometriosis (nih.gov)
- <https://link.springer.com/article/10.1007/s43032-021-00787-w>